TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **254**/2023/DS-PT

Ngày 09 - 8 - 2023

V/v *kiện đòi đất bị lấn chiếm*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hạnh Vân, bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 108/2023/TLPT-DS ngày 08/5/2023 về việc *"Kiện đòi lại đất bị lấn chiếm"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 186/2023/QĐ-PT ngày 28/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2023/QĐ – PT ngày 11/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang N – Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số 30 N, Phường.T, TP.B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Dương Văn T – chức vụ: Trưởng ban quản lý đất đai – chi nhánh Nông trường C (văn bản ủy quyền số 08/GUQ-CT ngày 28/11/2018). Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Tưởng Văn Y; sinh năm: 1975, bà Từ Thị T1; sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Công H (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017). Địa chỉ: Số 79 A, P.T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Những người làm chứng:

- Ông Phạm Thanh S. Vắng mặt.
- Ông Chu Đức H. Vắng mặt.
- Ông Tiến Xuân Đ. Có mặt.
- Bà Võ Thị H2. Vắng mặt.
- Ông Hoàng Tiến S. Có mặt.
- Ông Giả Minh L. Có mặt.
- Ông Từ Minh T2. Có mặt.
- Ông Từ Đình D. Có mặt
- Bà Từ Thị T3. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn T trình bày:

Nông trường C được thành lập theo quyết định số 277/QĐ-UB ngày 14/6/1979 của UBND tỉnh Đắk Lắk (nay là chi nhánh Công ty C). Nông trường C là đơn vị trực thuộc Công ty C với nhiệm vụ chính là trồng, chăm sóc, khai thác, xuất khẩu cao su thiên nhiên. Năm 2002 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số U 191244, diện tích 31.579.731m^2 (theo quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002) cho chi nhánh Nông trường C. Năm 2013 được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp lại giấy CNQSDĐ số BQ 800145 với diện tích 23.171.158m^2 đất nông nghiệp (theo quyết định số 1730/QĐ-UB ngày 20/8/2013) cho chi nhánh Nông trường C thuê với thời hạn 50 năm đến ngày 15/10/2043. Thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk và Công ty, năm 2015 và năm 2016, chi nhánh Nông trường C trồng tái canh cây cao su trên một số diện tích đất cao su thanh lý thuộc quỹ đất nông trường đang sử dụng thì bị người dân lấn chiếm cụ thể như sau:

Tại diện tích 247.431m^2 + 216.230m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 102, 130, tờ bản đồ số 12 giấy CNQSDĐ số BQ 800145 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/5/2014, đã bị ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 chiếm diện tích 14.638,3m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 102, 130, tờ bản đồ số 12. *(Theo kết quả đo đạc ngày 06/01/2023 của Chi nhánh Công ty cổ phần đo đạc Duy B để phục vụ việc giải quyết tranh chấp đất đai dưới sự chỉ ranh giới đất của ông Tưởng Văn Y)*. Đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp nghĩa trang thôn K có các cạnh dài lần lược là: 49,3m; 6m; 4m; giáp rẫy ông Tưởng Văn Y có cạnh dài là: 96,4m; giáp rẫy ông Phạm Văn T4 có các cạnh dài lần lược là: 21,1m; 85,8m; 11,6m; 7m; giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 có các cạnh dài lần lược là: 16,8m; 66,6m;

- Phía Tây giáp cao su Nông trường có các cạnh dài lần lược là: 15,9m; 5,8m; 21m; 38,9m; 33m; 7m; 5,8m; 58m; 10m; 13m; 12,9m; 46,2m; 5m; 88,9m; 4,4m;

- Phía Nam giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 có các cạnh dài lần lược là: 12,3m; 22,3m; 12,5m;

- Phía Bắc giáp rẫy ông Từ Đình D có các cạnh dài là: 4,4m, 37,7m.

Ngày 18/5/2017 Nông trường đã gửi đơn khiếu nại đề nghị UBND xã C giải quyết vụ việc gia đình ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 lấn chiếm đất Nông trường, ngày 23/6/2017, Hội đồng hòa giải xã C, huyện K đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Từ những cơ sở trên, việc gia đình ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 chiếm dụng đất của Nông trường đang quản lý và sử dụng là vi phạm quy định pháp luật đất đai. Do đó, Công ty C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 trả lại toàn bộ diện tích đất 14.638,3m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 102, 130 tờ bản đồ số 12 cho Chi nhánh Nông trường C.

Theo hợp đồng kinh tế số 34-Đ5 cấp cho ông Tưởng Văn Y ngày 08/12/2006 tổng diện tích 9.500m^2 thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 12, là diện tích đất đo đạc cấp Hợp đồng kinh tế giữa Nông trường và ông Y gồm thửa 5 ½ - 3/73 (DT 2.995m^2) và diện tích ông Y mua lại của ông Từ Hải Đ tờ bản đồ số 5 ½ thửa số 4/73 (DT 3.930m^2) và thửa số 2/73 tờ bản đồ số 5 ½ (DT 2.150m^2) được Nông trường cấp cho ông Từ Hải Đ ngày 01/01/1996. Năm 2013, Nông trường được cấp lại giấy CNQSDĐ số BQ 800145 cấp ngày 06/5/2014 có thửa đất số 125, tờ bản đồ số 12, Nông trường bàn giao cho địa phương quản lý theo Quyết định thu hồi 112/QĐ-UB ngày 10/01/2013 của UBND tỉnh là hai thửa đất có diện tích không trùng lập mà thửa đất bàn giao gồm có ông Tưởng Văn Y và ông Từ Minh T2 tổng diện tích là 10.892m^2 theo trích lục của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk ngày 24/8/2012.

Qua trình bày của đại diện theo ủy quyền của ông Y, bà T1 cho rằng ông Từ Đình D1 khai hoang thửa đất nói trên từ năm 1984 và cho lại ông Y, bà T1 vào năm 1993 là không có cơ sở, Nông trường C thành lập năm 1978, diện tích đất trên đã được quy hoạch là đất sản xuất của Nông trường từ thời điểm thành lập, không có đất rừng, đất không có người quản lý để ông Từ Đình D1 có thể khai hoang từ năm 1984.

Theo biên bản thẩm định, định giá có xác định số cây Bơ trồng năm 2013, 2014 đây chỉ là lời kê khai của gia đình ông Y chứ ông Y cũng không chứng minh được năm trồng của cây, ngoài ra các cây trồng còn lại trồng các năm 2015 – 2020. Bên cạnh đó năm 2012, 2013, Nông trường vẫn có quyết định đầu tư và phương án chăm sóc cây cao su trên thửa đất này.

Căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 18/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thể hiện diện tích của thửa 101, 102, 130, 131, tờ bản đồ số 12. Căn cứ Công văn số 380/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 14/8/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Đắk Lắk thì diện tích của 04 thửa đất nói trên là diện tích của thửa 101, 102, 130, 131, 134 tờ bản đồ số 12, giấy CNQSDĐ BQ 800145 cấp cho Nông trường ngày 06/5/2014 kèm theo Trích lục địa chính số 1316 ngày 13/12/2022 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nay là Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên & Môi trường lập.

Theo các lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Công H trình bày:

Gia đình ông Tưởng Văn Y có một thửa đất tại thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, diện tích khoảng 13.000m^2, lô đất có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp rẫy ông Phạm Văn T4; phía Tây giáp đường đi và đất cao su Nông trường cao su; phía Nam giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 (ông N1 đã chuyển nhượng cho ông Từ Minh T2); phía Bắc giáp rẫy ông Tư Đình D.

Diện tích đất trên do ông Từ Đình D1 (đã chết) khai hoang từ năm 1984, đến năm 1993 ông Tưởng Văn Y kết hôn với bà Từ Thị T1 (con gái ông Từ Đình D1) và được ông D1 cho diện tích đất trên để canh tác sinh sống. Năm 1994 gia đình ông Y đã trồng cà phê, do việc canh tác cây cà phê không có hiệu quả nên năm 2013 ông Y đã nhổ bỏ diện tích cà phê già cỗi để tái canh. Năm 2014, ông Y đã trồng tiêu, bơ, chanh dây và một số cây trồng khác trên diện tích đất trên. Đến năm 2015 thì Nông trường C tranh chấp diện tích đất nói trên với gia đình ông Y.

Kể từ khi bố vợ ông Y sử dụng đất cũng như thời điểm ông Y nhận đất của bố vợ cho đến nay ông Y chưa bị cơ quan Nhà nước nào xử phạt về hành vi sử dụng đất trái với quy định của pháp luật, đối với diện tích đất này ông Y sử dụng ổn định không tranh chấp với ai.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì thửa đất trên UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy CNQSDĐ số U 191244 ngày 15/10/2002 và được cấp lại giấy CNQSDĐ số BQ 800145 ngày 06/5/2014. Trong suốt quá trình sử dụng đất của mình thì gia đình ông Y không được mời tham gia đo đạc hay ký giáp ranh với đất của công ty C. Chỉ khi nhận được kết quả đo đạc ông Y, bà T1 mới phát hiện một phần thửa đất của gia đình đã được cấp giấy CNQSDĐ cho Công ty C – Nông tường C.

Theo biên bản đo đạc thực tế ngày 20/6/2019 và hợp đồng kinh tế số 34-Đ5 ngày 08/12/2006 Nông trường C cấp cho gia đình ông Tưởng Văn Y thì xác định diện tích đất 9.500m^2 thuộc thửa số 125, tờ bản đồ số 12 hiện tại ông Tưởng Văn Y đang sử dụng theo hợp đồng kinh tế Nông trường C cấp cho ông Y vào năm 2006 là đủ diện tích thực tế ông Y đang sử dụng. Diện tích đất Nông trường khởi kiện yêu

cầu ông Y phải trả lại theo biên bản đo thực tế ngày 20/6/2019 là 10.649,5m^2, tại thửa số 125 và thửa đất số 105, tờ bản đồ số 12. Trên thực tế diện tích đất ông Y được cấp 9.500m^2 nằm hoàn toàn trên thửa đất số 125 ông Y không lấn chiếm thêm đất của Nông trường, về diện tích đất tại thửa đất số 105 Nông trường cho rằng ông Y lấn chiếm thì đề nghị Nông trường chứng minh đó là đất của Nông trường đã được cấp giấy CNQSDĐ, về diện tích đất này là của bố vợ ông Y khai hoang từ năm 1984 và đến năm 1993 thì cho vợ chồng ông Y sử dụng từ đó đến nay có nhiều người sinh sống tại thôn K làm chứng cho việc sử dụng đất của vợ chồng ông Y.

Căn cứ biên bản thẩm định, định giá thể hiện trên đất tranh chấp có cây trồng từ năm 2013, trái ngược với nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn chiếm đất từ năm 2015. Diện tích đất tranh chấp nguyên đơn xác định không chính xác, đề nghị Tòa án tiến hành lồng ghép kết quả đo đạc năm 2018 với sơ đồ giải thửa của cơ quan có thẩm quyền để làm rõ diện tích đất các bên tranh chấp có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không.

Căn cứ vào kết quả đo đạc ngày 18/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thể hiện diện tích của thửa 101, 102, 130, 131, tờ bản đồ số 12 đúng với diện tích mà nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ranh giới thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn hiện nay phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn được cấp nên yêu cầu của nông trường là không có căn cứ, phía bị đơn không chấp nhận.

Bị đơn ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 trình bày: Ông Y, bà T1 thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của mình và không bổ sung thêm ý kiến trình bày khác.

Người làm chứng Phạm Thanh S, ông Chu Đức H1, ông Tiến Xuân Đ, ông Hoàng Tiến S, ông Giả Minh L, ông Từ Minh T2, bà Võ Thị H2 trình bày:

Những người làm chứng đều sinh sống tại thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong khoảng thời gian từ năm 1984 đến 1988 và có khoảng thời gian làm công nhân cho Nông trường C từ năm 1984 đến năm 2006 thì nghỉ hưu theo chế độ. Trong thời gian sinh sống và làm việc tại thôn K, những người làm chứng có biết ông Từ Đình D1, ở thôn K *(trước đây là đội 5, Nông trường C, năm 1999 thành lập xã C thì đổi tên thành thôn K)*, ông Từ Đình D1 có thời gian làm công nhân cho Nông trường C từ năm 1984 đến năm 1989, đến khoảng năm 2000 thì ông D chết.

Trong thời gian sinh sống tại thôn K thì những người làm chứng biết ông Từ Đình D1 có khai hoang được một lô đất rẫy trên khu vực đang xảy ra tranh chấp hiện nay, diện tích đất ông D1 khai hoang được bao nhiêu thì không nắm rõ, thời gian đầu khoảng năm 1985 đến năm 1993 ông D1 chỉ trồng hoa màu như lúa, ngô (bắp), đậu các loại để có thêm lương thực, vì thời gian này chưa trồng cà phê,

những người làm chứng làm công nhân cho Nông trường, làm công ăn lương là chính. Theo những người làm chứng được biết khoảng tháng 12/1993 thì ông Từ Đình D1 cho lô đất khai hoang nói trên cho con gái là Từ Thị T1 và con rể là Tưởng Văn Y, thời điểm đó anh Y, chị T1 có trồng cà phê trên diện tích đất đã khai hoang. Được một thời gian thì anh Y, chị T1 phá bỏ cà phê do không có năng suất và chuyển sang trồng các cây trồng khác như tiêu, bơ, sau này có trồng thêm sầu riêng. Hiện nay anh Y, chị T1 vẫn đang sử dụng và canh tác lô đất rẫy trên và không có tranh chấp với ai cho đến khi có đơn khởi kiện của Công ty C.

Hiện nay diện tích đất rẫy trên đang bị Công ty C (là Cơ quan quản lý Nông trường C) khởi kiện yêu cầu anh Y, chị T1 phải trả lại diện tích đất rẫy trên vì cho rằng anh Y, chị T1 lấn chiếm đất của Nông trường thì những người làm chứng có ý kiến như sau: Việc khởi kiện của Công ty C với anh Tưởng Văn Y, chị Từ Thị T1 như thế nào thì họ không biết, họ chỉ biết việc khai hoang của ông Từ Đình D1 là có thật, hiện nay diện tích đất đó vẫn còn hiện trạng như bây giờ. Còn việc khởi kiện của Công ty cổ phần C đối với anh Y, chị T1 thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người làm chứng bà Từ Thị T3, ông Từ Đình D trình bày:

Bà Từ Thị T3 là mẹ đẻ của bà Từ Thị T1, mẹ vợ của ông Tưởng Văn Y, ông Từ Đình D là con trai của ông Từ Đình D1, bà Từ Thị T3. Vào cuối năm 1984, gia đình ông Từ Đình D1 có khai hoang một thửa đất tại thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất có tứ cạnh như sau: Phía Đông giáp ông Phạm Văn T4 và Từ Minh T2; phía Tây giáp đất nông trường C; phía Nam giáp đất ông Diệp Xuân N; phía Bắc giáp đất ông Từ Đình D. Trong quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với ai, đến năm 1993 thì gia đình cho ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 (là con gái và con rể ông D1, bà T3). Trong suốt thời gian ông Y, bà T1 sử dụng đất không có tranh chấp với ai. Còn diện tích thửa đất thì bà T3, ông D không nắm rõ vì khi cho ông Y, bà T1 gia đình không đo đạc cụ thể

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 12, 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải trả lại cho Công ty C – Chi nhánh nông trường C diện tích đất là 14638,4 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 102 và số 130, tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 cấp ngày 06/5/2014 cho Công ty C – Nông trường C. *(Theo kết quả đo đạc ngày 06/01/2023 của Chi nhánh Công ty cổ phần đo đạc Duy B để phục vụ việc giải quyết tranh chấp đất đai dưới sự chỉ ranh giới đất của ông Tưởng Văn Y)*. Đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp nghĩa trang thôn K có các cạnh dài lần lược là: 49,3m; 6m; 4m; giáp rẫy ông Tưởng Văn Y có cạnh dài là: 96,4m; giáp rẫy ông Phạm Văn T có các cạnh dài lần lược là: 21,1m; 85,8m; 11,6m; 7m; giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 có các cạnh dài lần lược là: 16,8m; 66,6m;

- Phía Tây giáp cao su Nông trường có các cạnh dài lần lược là: 15,9m; 5,8m; 21m; 38,9m; 33m; 7m; 5,8m; 58m; 10m; 13m; 12,9m; 46,2m; 5m; 88,9m; 4,4m;

- Phía Nam giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 có các cạnh dài lần lược là: 12,3m; 22,3m; 12,5m;

- Phía Bắc giáp rẫy ông Từ Đình D có các cạnh dài là: 4,4m, 37,7m.

Buộc ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 phải di dời, tháo dỡ nhà, công trình kiến trúc và các cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm gồm: Nhà xây cấp 4 diện tích 12m^2 (3mx4m), móng xây đá hộc, mái lợp tôn thiếc, không đóng trần, tô trát, nền láng xi măng, xây năm 2018; Mái che khung thép, cốt thép tròn ф 50mm, lợp tôn thiếc, sân bê tông xi măng M150, đá 1x2, diện tích 12m^2; 01 Giếng khoan bằng máy khoan xoay tự hành 54cv, đường kính lỗ khoan ф < 200, sâu 120m; 01 Hệ thống ống tưới chôn dưới đất dài 300m, ống nhựa PPC ф 49; Cây cà phê 2.000 cây trồng năm 2019; Tiêu 200 cây (trụ bê tông) trồng năm 2016; Cây sầu riêng ghép 95 cây; Cây Bơ trồng năm 2013, 24 cây; trồng năm 2014, 24 cây; trồng năm 2015, 69 cây; trồng năm 2016, 128 cây, trồng năm 2017, 45 cây; Cây Mít thái trồng năm 2016, 100 cây; 01 cây chôm chôm trồng năm 2020; 01 cây bưởi da xanh trồng năm 2020; 02 cây vải trồng năm 2019; 01 cây na thái trồng năm 2020 để trả lại hiện trạng đất cho Chi nhánh nông trường C sử dụng theo đúng mục đích sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận.

Buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải thực hiện việc di dời các cây trồng trên phần đất lấn chiếm ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 không tự nguyện thực hiện di dời các cây trồng, nhà ở, công trình kiến trúc trên đất lấn chiếm thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí tố tụng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2023, bị đơn ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 đã kháng cáo Bản án số: 13/2023/DSST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án và xét xử lại theo hướng bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện;

Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 cho rằng toàn bộ diện tích 14.638,4m^2 tại đất tại thửa 102 và 130, tờ bản đồ số 12 là do bố mẹ khai hoang sau đó tặng cho vợ chồng ông bà nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Bà. Tuy nhiên, đối với tài sản trên đất là do vợ chồng ông bà tạo dựng, trong quá trình tạo dựng không có cơ quan nào ngăn cản hoặc xử phạt vi phạm hành chính nên đề nghị nguyên đơn phải bồi thường cho vợ chồng ông bà tài sản trên đất. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2023/DS-ST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của công ty C:

Về nguồn gốc đất: Nông trường C được thành lập theo quyết định số 277/QĐ-UB ngày 14/6/1978 của UBND tỉnh Đắk Lắk là đơn vị trực thuộc Công ty C (nay là công ty C). Năm 2002, Nông trường C, được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 191244 diện tích 31.579.731 m^2, theo Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Năm 2013, UBND tỉnh Đắk Lắk cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145

diện tích 23.171.158 m^2 đất nông nghiệp theo quyết định số 1730/QĐ-UBND tỉnh Đắk Lắk ngày 20/8/2013 cho chi nhánh Nông trường C thuê đất thời hạn 50 năm đến ngày 15/10/2043.

Bị đơn ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 cho rằng: Ông Từ Đình D1 (đã chết) khai hoang từ năm 1984, đến năm 1993 ông Tưởng Văn Y kết hôn với bà Từ Thị T1 (con gái ông Từ Đình D1) và được ông D1 cho diện tích đất trên để canh tác sinh sống. Đồng thời các nhân chứng cho rằng phần đất đang có tranh chấp có nguồn gốc của gia đình ông Từ Đình D1 khai hoang. Tuy nhiên, ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 và những người làm chứng cũng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu để chứng minh đây là đất do ông Từ Đình D1 khai hoang, không chứng minh được diện tích đất tranh chấp đã được thể hiện trong sổ mục kê của xã. Khi thành lập Nông trường C năm 1978, theo giấy CNQSDĐ số U 191244 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 15/10/2002 cho Nông trường C thì diện tích đất được cấp cho Nông trường bao gồm toàn bộ phần diện tích đất hiện nay đang tranh chấp và diện tích đất Nông trường ký Hợp đồng kinh tế với ông Tưởng Văn Y trước khi được bàn giao về cho Ủy ban nhân dân huyện K quản lý theo Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, phần đất mà Chi nhánh Nông trường C được UBND tỉnh Đắk Lắk được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2]. Các căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp:

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính 1316 ngày 13/12/2012 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, căn cứ Bản đồ địa chính xã C, mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 06-2018 chỉnh lý thửa 101,102,130,131 tờ 12, Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất số 101,102,130,131 ngày 19/12/2018 phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk đo đạc ngày 17/12/2018. Căn cứ công văn số 380/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 14/8/2020 về việc phúc đáp đề nghị tại công văn số 13/CN-KT ngày 27/7/2020 của Nông trường C của Sở tài nguyên và môi trường Đắk Lắk đã xác định *"Mảnh trích đo chỉnh lý 06-2018 đã được cấp giấy chứng nhận tại các thửa đất 101,102,130,131 và 134 tờ bản đồ số 12 và phần đường giao thông giữa thửa 131 và 134 thể hiện trên trích lục bản đồ địa chính số 131. Diện tích chênh lệch giảm 454,8 m^2 giữa kết quả đo đạc hiện trạng và các thửa đất trên trích lục địa chính đã được cấp Giấy chứng nhận do ranh giới hiện trạng các thửa đất có biến động so với ranh giới thửa đất tại thời điểm cấp giấy chứng nhận"*.

Đối chiếu số liệu diện tích các thửa và số liệu đo đạc như sau:

Theo trích lục bản đồ địa chính 1316 ngày 13/12/2012 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk diện tích các thửa 101,102,130,131 và 134: 69.111m^2 + 247.431 m^2 + 27.960 m^2 +175.427 m^2 + 216.230 m^2 = 736.159 m^2

Theo mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 06-2018 hiện trạng thực tế các thửa 101,102,131,130 có diện tích: 105.364,7 m^2 + 185.669,3 m^2 + 275.910,7 m^2 + 169.669,1 m^2 = **736.613,8 m^2**. Theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất đang có tranh chấp là 14.638,3m^2 (*(Theo kết quả đo đạc ngày 06/01/2023 của Chi nhánh Công ty cổ phần đo đạc Duy Bình để phục vụ việc giải quyết tranh chấp đất đai dưới sự chỉ ranh giới đất của ông Tưởng Văn Y))* + diện tích đất chi nhánh Nông trường C đang sử dụng là 721.411,9 m^2 *(Theo kết quả đo đạc ngày 18/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thể hiện diện tích thực tế của thửa 101, 102, 130, 131, 134 tờ bản đồ số 12)* = **736.050,2 m^2**, diện tích giảm 563,6m^2 là phù hợp với với diện tích mà chi nhánh Nông trường C được cấp giấy chứng nhận tại các thửa đất 101,102,130,131 và 134 tờ bản đồ số 12 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk.

Hơn nữa, khi ráp tờ bản đồ theo như trích lục bản đồ địa chính số 1316 đối với thửa 130 và 102 tờ bản đồ số 12 so với thực địa sử dụng đất theo kết quả đo đạc phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp đất đai của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk thì phần diện tích đất 14.638,4 m^2 đang tranh chấp nằm trong thửa đất số 130 và 102 , tờ bản đồ số 05 được cấp cho chi nhánh Nông trường C (*phần cạnh phía đông góc phải phía dưới thửa 130 thể hiện đường gấp khúc khi thêm diện tích tranh chấp là phù hợp với trích lục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chi nhánh nông trường C).*

Xét phần đất hiện tại gia đình ông Tưởng Văn Y đang canh tác sử dụng theo hợp đồng kinh tế với Nông trường C thể hiện diện tích 2.337 m^2 + 9.500 m^2 = 11.837m^2 đối chiếu với trích đo thực trạng đất ông Y đang sử dụng là 11.689,1 m^2 biến động giảm 147,9 m^2 là phù hợp với thực tế sử dụng đất.

Ngoài ra, sau khi UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chi nhánh Nông trường C trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp thì ông Tưởng Văn Y cũng đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lăk. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tưởng Văn Y. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 04/2022/HC-GĐT ngày 13/01/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Từ những căn cứ trên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải trả lại toàn bộ

diện tích đất lấn chiếm tại thửa 102 và 130, tờ bản đồ số 12 với diện tích đất là 14.638,4m^2 cho chi nhánh Nông trường C là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3]. Đối với các tài sản, vật, công trình, kiến trúc trên đất đang tranh chấp gồm:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thì trên diện tích đất đang tranh chấp hiện ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 đã xây nhà xây cấp 4 diện tích 12m^2 (3mx4m), móng xây đá hộc, mái lợp tôn thiếc, không đóng trần, tô trát, nền láng xi măng, xây năm 2018, Mái che khung thép, cốt thép tròn ϕ 50mm, lợp tôn thiếc, sân bê tông xi măng M150, đá 1x2, diện tích 12m^2; 01 Giếng khoan bằng máy khoan xoay tự hành 54cv, đường kính lỗ khoan ϕ < 200, sâu 120m; 01 Hệ thống ống tưới chôn dưới đất dài 300m, ống nhựa PPC ϕ 49; Cây cà phê 2.000 cây trồng năm 2019; Tiêu 200 cây (trụ bê tông) trồng năm 2016; Cây sầu riêng ghép 95 cây; Cây Bơ trồng năm 2013, 24 cây; trồng năm 2014, 24 cây; trồng năm 2015, 69 cây; trồng năm 2016, 128 cây, trồng năm 2017, 45 cây; Cây Mít thái trồng năm 2016, 100 cây; 01 cây chôm chôm trồng năm 2020; 01 cây bưởi da xanh trồng năm 2020; 02 cây vải trồng năm 2019; 01 cây na thái trồng năm 2020.

Như đã nhận định ở mục [2.1] và [2.2] ở trên, phần đất mà nguyên đơn Công ty C khởi kiện đã bị ông Y và bà T1 lấn chiếm từ năm 2015. (Sau khi phát hiện hành vi lấn chiếm đất thì Chi nhánh nông trường C đã tiến hành lập các biên bản làm việc về việc lấn chiếm đất, cụ thể vào các ngày 30/5/2015; 03/7/2015; 03/11/2015; 30/6/2016; 01/7/2016; 29/8/2016; 18/10/2016; 01/01/2017; 06/01/2017; 25/4/2017 và 29/6/2017). Như vậy, ông Y bà T1 là người có lỗi trong việc lấn chiếm đất của Nông trường, sau khi phát hiện đã nhiều lần Nông trường lập biên bản yêu cầu ông Y bà T1 phải chấm dứt việc lấn chiếm để trả lại đất cho Nông trường nhưng ông Y bà T1 chẳng những không trả lại mà còn trồng cây, xây dựng nhà, đào giếng, trôn ống tưới trên đất lấn chiếm là không hợp pháp, nên cần buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải tiến hành di dời, tháo dỡ nhà, công trình kiến trúc và các cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm để trả lại hiện trạng đất cho Chi nhánh nông trường C sử dụng theo đúng mục đích sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do việc tạo dựng tài sản trên phần đất lấn chiếm của Nông trường nên Nông trường không có nghĩa vụ phải bồi thường giá trị tài sản trên đất cho ông Y, bà T1.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C. Buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải trả lại cho Công ty C– Chi nhánh nông trường C diện tích đất là 14638,4 m^2 là có căn cứ, cần chấp nhận. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị

HĐXX buộc Công ty C - Chi nhánh nông trường C phải có nghĩa vụ bồi thường tài sản trên đất cho ông Y, bà T1 là không có căn cứ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk là 23.922.964 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk theo quy định. Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản là 14.000.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp và chi phí xong.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho Công ty C số tiền 300.000đ đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk theo biên lai số AA/2016/0001391 ngày 16/11/2017. Bị đơn ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DSST ngày 14/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

2. Căn cứ Điều 388, 390, 392, 412, 414, 501, 503, 506, 507, 508, 510, 511 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 8, 9, 10, 12 của Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Thông tư số 102/2006/TT-BNN ngày 13/6/2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Nghị định số 135/2005 ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

Buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải trả lại cho Công ty C– Chi nhánh nông trường C diện tích đất là 14.638,4 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thuộc thửa đất số 102 và số 130, tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 cấp ngày 06/5/2014 cho Công ty C. *(Theo kết quả đo đạc ngày 06/01/2023 của Chi nhánh Công ty cổ phần đo đạc B để phục vụ việc giải quyết tranh chấp đất đai dưới sự chỉ ranh giới đất của ông Tưởng Văn Y)*. Đất có tứ cận:

- Phía Đông giáp nghĩa trang thôn K có các cạnh dài lần lược là: 49,3m; 6m; 4m; giáp rẫy ông Tưởng Văn Y có cạnh dài là: 96,4m; giáp rẫy ông Phạm Văn T4 có các cạnh dài lần lược là: 21,1m; 85,8m; 11,6m; 7m; giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 có các cạnh dài lần lược là: 16,8m; 66,6m;

- Phía Tây giáp cao su Nông trường có các cạnh dài lần lược là: 15,9m; 5,8m; 21m; 38,9m; 33m; 7m; 5,8m; 58m; 10m; 13m; 12,9m; 46,2m; 5m; 88,9m; 4,4m;

- Phía Nam giáp rẫy ông Diệp Xuân N1 có các cạnh dài lần lược là: 12,3m; 22,3m; 12,5m;

- Phía Bắc giáp rẫy ông Từ Đình D có các cạnh dài là: 4,4m, 37,7m.

Buộc ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 phải di dời, tháo dỡ nhà, công trình kiến trúc và các cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm gồm: Nhà xây cấp 4 diện tích 12m^2 (3mx4m), móng xây đá hộc, mái lợp tôn thiếc, không đóng trần, tô trát, nền láng xi măng, xây năm 2018; Mái che khung thép, cốt thép tròn ф 50mm, lợp tôn thiếc, sân bê tông xi măng M150, đá 1x2, diện tích 12m^2; 01 Giếng khoan bằng máy khoan xoay tự hành 54cv, đường kính lỗ khoan ф < 200, sâu 120m; 01 Hệ thống ống tưới chôn dưới đất dài 300m, ống nhựa PPC ф 49; Cây cà phê 2.000 cây trồng năm 2019; Tiêu 200 cây (trụ bê tông) trồng năm 2016; Cây sầu riêng ghép 95 cây; Cây Bơ trồng năm 2013, 24 cây; trồng năm 2014, 24 cây; trồng năm 2015, 69 cây; trồng năm 2016, 128 cây, trồng năm 2017, 45 cây; Cây Mít thái trồng năm 2016, 100 cây; 01 cây chôm chôm trồng năm 2020; 01 cây bưởi da xanh trồng năm 2020; 02 cây vải trồng năm 2019; 01 cây na thái trồng năm 2020 để trả lại hiện trạng đất cho Chi nhánh nông trường C sử dụng theo đúng mục đích sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận.

Buộc ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 phải thực hiện việc di dời các cây trồng trên phần đất lấn chiếm ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Tưởng Văn Y và bà Từ Thị T1 không tự nguyện thực hiện di dời các cây trồng, nhà ở, công trình kiến trúc trên đất lấn chiếm thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty C số tiền 300.000đ đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đăk Lăk theo biên lai số AA/2016/0001391 ngày 16/11/2017.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tưởng Văn Y, bà Từ Thị T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000310 và số 0000311 ngày 22/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Krông Buk;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Tú